TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2019
V/v: Ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

Hội thẩm nhân dân: 1/ **Bà Nguyễn Thị Giang**

2/ **Ông Nguyễn Hữu Đệ.**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Hoàng Thu Thảo.**

Cán bộ Toà án nhân dân Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên toà*:**

Bà Cao Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 148/2019/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc "L*y hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXX ngày 06/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2019. Giữa các đương sự:

*1. **Nguyên đơn:*** **Bà Nguyễn Thị K -** Sinh năm 1969; Trú tại: Xóm B, xã N, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Buôn bán.

Có mặt tại phiên tòa.

*2. **Bị đơn:*** **Ông Nguyễn Văn T -** Sinh năm 1969; Trú tại: Xóm B, xã N, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Buôn bán.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2019, các lời khai bổ sung tại Tòa án, Bà Nguyễn Thị K - nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Bà và ông Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 05/10/1993 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống chung với mẹ chồng tại xóm B, xã N, huyện Đông Anh, Hà Nội cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông T hay chơi cờ bạc và có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác. Bà đã nhiều lần tha thứ và khuyên nhủ nhưng ông K không thay đổi. Năm 2015 bà đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn, sau đó ông T đã xin sửa đổi và hứa sẽ không tái phạm, nên bà đã rút đơn về đoàn tụ. Nhưng trong suốt thời gian qua ông T vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân nhưng vẫn ở chung trong một nhà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 12/7/1993 và Nguyễn A, sinh ngày 08/12/1997. Hiện nay các con chung đều có sức khỏe tốt và đều đã trưởng thành. Cháu lớn đã lấy chồng, cháu thứ hai hiện đang ở cùng bố mẹ, cháu muốn ở với ai thì tùy cháu. Hiện nay bà đang buôn bán thu nhập bình quân khoảng 8-10 triệu đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ông Nguyễn Văn T - Bị đơn**:

Tòa án đã triệu tập ông T đến Tòa án nhiều lần ông T không đến. Tòa án đã tiến hành đến lấy lời khai trực tiếp của ông T, nhưng ông T từ chối viết bản tự khai và từ chối cung cấp lời khai cho Tòa án. Do đó không có lời khai của ông T.

Tại phiên tòa:

+ Bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn ông Nguyễn Văn T vì bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, hai vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 12/7/1993 và Nguyễn A, sinh ngày 08/12/1997. Hiện nay các con chung đều có sức khỏe tốt và đều đã trưởng thành. Cháu lớn đã lấy chồng, cháu thứ hai hiện đang học Đại học, cháu muốn ở với ai thì tùy cháu. Hiện nay bà đang buôn bán thu nhập bình quân khoảng 8-10 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định. Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay nguyên đơn đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì, bị đơn không chấp hành pháp luật, cố tình chống đối, gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bà K tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống đến năm 2013 ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T ham chơi cờ bạc và có quan hệ với người phụ nữ khác. Năm 2015 và năm 2016 bà K đã 2 lần nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, sau đó bà lại rút đơn về đoàn tụ, nhưng mâu thuẫn giữa ông bà không giải quyết được, hiện tại ông bà đã sống ly thân.

Chính quyền địa phương cũng xác nhận ông bà có mâu thuẫn từ năm 2012, nguyên nhân chủ yếu là do ông T ham chơi cờ bạc và có mối quan hệ ngoại tình với người khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Chính quyền đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của bà K là có căn cứ.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 12/7/1993 và Nguyễn A, sinh ngày 08/12/1997. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, chị P đã lập gia đình.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị K đối với ông Nguyễn Văn T.

Các con của ông T bà K đều đã trưởng thành nên không xem xét.

Bà K không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75 quyển số 01 ngày 05/10/1993. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà xảy ra mâu thuẫn, bà K có đơn xin ly hôn với ông T, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn".

[1.2] Ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm B, xã N, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để lấy lời khai, ông T đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông T cố tình chống đối không đến Tòa án và từ chối không cung cấp lời khai, không có ý kiến gì và cũng không nộp bất cứ một tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông T Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ông T vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy Hội đồng tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn đúng và phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Sau khi kết hôn bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do ông T ham chơi cờ bạc và có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau và kết quả là hiện nay ông bà đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương thì bà K và ông T lấy nhau hoàn toàn là tự nguyện và không bị ép buộc, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do ông T ham chơi bời bên ngoài và có mối quan hệ ngoại tình với người khác, tại thôn xóm có nắm được thông tin ông T ngoại tình với chị Hoàng Thị L tại xóm T, xã N, huyện Đông Anh, Hà Nội. Do việc ông T có mối quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau thường xuyên. Chính quyền thôn đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Bà K đã nhiều lần xin xác nhận tình trạng hôn nhân để nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án. Nay bà K tiếp tục nộp đơn xin ly hôn ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà K và ông T là có thực, bà K đã hai lần nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, nhưng sau đó đều rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không giải quyết được, ông bà không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện quan hệ vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc bà K xin ly hôn ông T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà K và ông T có 02 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 12/7/1993 và Nguyễn A, sinh ngày 08/12/1997.

Cả hai con chung của ông bà hiện đều có sức khỏe tốt và đều đã đủ tuổi trưởng thành, cháu P đã có gia đình, cháu A hiện đang học Đại học. Vì vậy nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K.

Bà Nguyễn Thị K được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung**:** Xác nhận bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 12/7/1993 và Nguyễn A, sinh ngày 08/12/1997.

Cả hai con chung của ông bà hiện đều có sức khỏe tốt và đã đủ tuổi trưởng thành, nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà K không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008259 ngày 18/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận bà K đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Bà Nguyễn Thị K có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Huyền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Đông Anh;
- THA H. Đông Anh;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND xã N, H. Đông Anh;
- Lưu hồ sơ.